**TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM LA**

**TỔ 1 + 2 +3**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***



**BÁO CÁO**

**NỘI DUNG BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

\_--------------------------\*\*\*----------------------------

**TH 3 : ĐẶC ĐIỂM TÂM LÍ CỦA HỌC SINH YẾU KÉM, HỌC SINH CÁ BIỆT, HỌC SINH GIỎI VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU**

**HỌ VÀ TÊN : Lª ThÞ Linh**

**NĂM HỌC : 2019 – 2020**

**NhËn xÐt, ®¸nh gi¸ cña tæ chuyªn m«n**

*1. Tiếp thu kiến thức và kĩ năng quy định trong mục đích, nội dung “Chương trình, tài liệu BDTX”: ............. điểm*

*2. Vận dụng kiến thức BDTX vào hoạt động nghề nghiệp thông qua các hoạt động dạy học và giáo dục: ............ điểm*

*Tổng điểm: ............. điểm*

**Tổ trưởng**

**Minh Thị Nhàn**

**X¸c nhËn cña nhµ tr­êng**

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM LA**  **TỔ 1 + 2+ 3** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ***Cẩm La, ngày 10 tháng 10 năm 2019*** |

**B¸o c¸o**

**néi dung båi d­ìng th­êng xuyªn**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TH 3: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÍ CỦA HỌC SINH YẾU KÉM, HỌC SINH CÁ BIỆT, HỌC SINH GIỎI VÀ HỌC SINH NĂNG KHIẾU**

**A. LY DO CHON MO DULE:**

- Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ngày 10/7/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Căn cứ theo nhiệm vụ của năm học 2019 – 2020 và căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường nói riêng và của toàn xã hội nói chung. Bậc Tiểu học đặt nền móng cho hệ thổng giáo dục phổ thông. Luật Giáo dục 2008 đã sác định: “Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chẩt, thẩm mĩ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở". Giáo viên là người góp phần quyết định trong việc đảm bảo chất luợng giáo dục. Sự hiểu biết những đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học giúp nhà giáo dục có phuơng pháp giáo dục hiệu quả cho từng lứa tuổi nhất định và cho từng em trên cơ sở vận dụng những hiểu biết này vào việc dạy học và giáo dục học sinh. Đối vói giáo viên tiểu học, để có nghiệp vụ sư phạm tốt, mỗi người cần nắm vũng khoa học tâm lí nhằm làm chủ quá trình học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên có nghề vững vàng.

Nên việc nghiên cứu đặc điểm tâm lý học sinh yếu kém, học sinh cá biệt, học sinh giỏi và học sinh năng khiếu là việc làm cần thiết góp phần vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ dạy học của người giáo viên. Chính vì lí do trên, tôi đã chọn mô đun TH3: “***Đặc điểm tâm lý của học sinh yếu kém, học sinh cá biệt, học sinh giỏi và học sinh năng khiếu***” để nghiên cứu và học tập.

**B. NỘI DUNG BỒI DƯỠNG:**

**I. Xác định đặc điểm tâm lí của học sinh yếu kém**

Học sinh học kém là học sinh có kết quả không đạt chuẩn tổi thiểu đã được Nhà nước quy định.

Học sinh tiểu học học kém có kết quả học tập đạt loại yếu, điểm học tập môn Toán và Tiếng Việt dưới trung bình.

Dựa trên chỉ số chính là lực học, cộng thêm cả xu hướng nhân cách của học sinh, phạm vi động cơ của học sinh, có thể phân loại học sinh học kém làm 3 kiểu chính:

- Lực học thấp, kết hợp với thái độ dương tính đối với việc học tập và duy trì được cương vị của một học sinh.

- Hoạt động tư duy có chất lượng cao, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.

- Lực học thấp, kết hợp với thái độ âm tính đối với việc học và sự đánh mất một phần hay hoàn toàn cương vị của người học sinh.

Học kém biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau: học kém ở một hoặc nhiều môn, học kém trong từng thời kì, lưu ban, bỏ học, thi trượt.

Học sinh học kém có biểu hiện:

- Sự chậm tiến chung và hời hợt trong học tập.

- Học kém từng phần nhưng tương đối dai dẳng và kém chủ yếu ở những bộ môn cơ bản.

- Học kém trong từng thời kì.

- Nắm khái niệm hời hợt, nặng về những nét nổi bật có tính chất chủ quan, một số khái niệm bị thu hẹp hoặc quá mở rộng.

- Nhầm lẫn khái niệm hoặc không vận dụng được khái niệm.

- Lòng tự tin, ý chí học tập giảm sút.

- Nhân cách bị tổn thất dẫn đến suy giảm năng lực lĩnh hội tri thức.

- Thiếu sự mềm dẻo trong tư duy.

- Vốn kiến thức nghèo nàn.

- Khó hình thành đựợc các phẩm chất trí tuệ như các bạn.

- Ghi nhớ chậm và không bền vững.

- Lỗ hổng trong các kiến thức làm cản trở sự lĩnh hội tài liệu mới.

- Thụ động.

- Có tự ý thức nghèo nàn.

- Chú ý kém.

- Thiếu các kĩ năng xã hội.

\* Học sinh học kém có những đặc điểm chung nhất là:

- Chậm phát triển về mặt tri thức, không đạt đựợc mức yêu cầu của các môn học trong những điều kiện bình thường.

- Các mặt khác của sự phát triển nhân cách có thể không khác hoặc khác so với học sinh cùng lứa tuổi, cùng lớp.

- Nếu không có những biện pháp giáo dục đặc biệt, học sinh học kém khó có thể đạt được mục tiêu giáo dục mà xã hội đề ra.

- Khó khăn trong tập đọc (dyslexia) là một trong những dạng chung nhất của các khó khăn trong học tập. chúng khó đọc được đặc trưng bằng những khó khăn trong việc diễn đạt hoặc tiếp nhận ngôn ngữ nói hoặc viết, có thể phân thành ba loại:

- Khó đọc phát triển (developmental dyslexia) là điều kiện hoặc là tình trạng thiểu năng học tập gây ra khó khăn cho đọc và viết.

- Khó đọc hình ảnh (visual dyslexia) còn được gọi là chúng khó đọc bề mặt (surface dyslexia) và được dùng để chỉ một dạng rối loạn đọc ở đó khó khăn chủ yếu xảy ra với trí nhớ hình ảnh, phân biệt hình ảnh, sắp xếp hình ảnh, nhìn từ trái qua phải, trong việc nhận diện nhanh hình dáng các từ.

- Khó đọc thính giác hoặc chúng khó đọc ngữ âm (auditory dyslexìa hoặc pho nological dyslexia). Chúng khó đọc âm thanh lời nói có khó khăn chủ yếu xảy ra trong việc phân biệt các âm thanh phát ra, trong việc kết hợp âm, ghi nhớ thông tin theo chuỗi và sắp xếp thông tin nghe, cũng như khó khăn trong phát triển ý thức về ngữ âm.

\*Những biểu hiện của khó khăn về đọc của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay:

- Thêm, bớt từ, thay từ, đọc ngược.

- Bỏ hàng, bỏ chữ khi đọc, không nhận ra chữ.

- Không nhìn thấy một từ hay một hình nếu hình ấy ở giữa những hình khác, hay ở trên bảng có nhiều hình, từ khác.

- Khó khăn trong mã hoá từ- đánh vần. ví dụ, trẻ có thể đọc , nhưng không nói muỗi được. Nhưng nếu nghe nói, hoặc nghe đọc từ ấy, trẻ có thể nói/ đọc theo.

- Đọc chậm.

- Thiếu ý thức về âm thanh được thể hiện trong các từ, về trật tự âm hoặc chuỗi âm tiết. Phát âm không chuẩn, phát âm sai.

- Ngắt nghỉ không đúng chỗ, hay đọc sai khi gặp từ khó.

- Nhận diện chuỗi các số kém, chuỗi các con chữ trong các từ một cách khó khăn khi đọc và viết, đặc biệt là những chữ có cấu tạo các chữ tương tự nhưng ngược hướng, ví dụ: b - d, ng - nh, ang - gan...

- Khó khăn trong việc đọc hiểu: thường chỉ trả lời được những câu hỏi đòi hỏi tìm chi tiết cụ thể một. Nhiều khi phải nghe lặp lại câu hỏi nhiều lần mới trả lởi được.

- Khó khăn trong việc diễn đạt y dưới hình thức viết và hình thức nói.

- Ngôn ngữ nói thường thể hiện ngắc ngứ, trì hoãn.

- Lẫn lộn về phương hướng trong không gian hay thời gian (trái và phái, trên và dưới, hôm qua và ngày mai...).

- Diễn giải lại ngôn ngữ nghe đựợc thường không chính xác và không đầy đủ.

+Ngoài những đặc điểm về ngôn ngữ vừa nêu trên, trẻ khó đọc có những biểu hiện về tầm:

- Có thể có vẻ sáng sủa, thông minh, ăn nói lưu loát, tuy nhiên trình độ đọc viết và chính tả thấp hơn nhóm trung bình.

- Có trí thông minh trung bình hoặc trên trung bình nhưng thành tích học tập kém.

- Có thể có khả năng ngôn ngữ, nhưng sẽ rất kém trong các bài kiểm tra viết.

- Dễ bị mọi người gán cho là lười biếng, câm (rẩt ít nói chuyện vói người khác, chỉ nói khi đã rất thân quen), ẩu, khờ, không cố gắng, hay có vấn đề về cư xử.

- Có thể cảm thẩy thụ động, dễ xúc động và hay bực bội về việc đọc hay kiểm tra trong lớp.

- Có thể cố gắng che giấu những nhược điểm của mình trong việc đọc bằng những thủ thuật.

- Có thể có tài năng trong các lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc, kịch nghệ, thiết kế, buôn bán kinh doanh.

- Khó tập trung chú ý trong học tập. chẳng hạn, có vẻ như thường “mơ màng", dễ dàng lạc hướng và duy trì sự chú ý một cách khó khăn.

\* Đặc điểm tâm lí của học sinh viết kém.

+ Khó khăn trong tập viết (dysgraphia) là tình trạng khiếm khuyết trong học tập liên quan đến vấn đề khó khăn trong cách thể hiện những suy nghĩ bằng chữ viết và hình tượng. Nói chung, nó thường chỉ đến khả năng viết tay nghèo nàn của trẻ.

Trẻ có khó khăn trong tập viết thường có một chuỗi các vấn đề. Các nghiên cứu chỉ ra rằng những vấn đề thường xuất hiện bao gồm nhận thức (chữ cái/ chữ số, viết ngược các từ, viết kí tự ra ngoài vùng, viết chữ nhỏ) dường như liên quan trực tiếp đến quá trình xử lí thông tin tuần tự/ tỉ lệ. Các học sinh này thường có khó khăn trong khi viết về một dãy các kí tự hoặc các từ. Kết quả là học sinh cần chậm rãi để viết đúng, rất khó khăn với “cơ chế" viết (đánh vần...). Chúng dường như lẫn lộn các kí tự và số trong công thức. Các học sinh này thường làm các bài tập rất chậm và không kịp suy nghĩ về những gì chúng viết.

Những biểu hiện của khó khăn trong tập viết của học sinh học kém trong nhà trường tiểu học hiện nay:

- Không viết theo một hướng nhất định.

- Chữ nguệch ngoạc, xiêu vẹo.

- Không cách từ, cách hàng.

- Không viết chính tả được nếu bên ngoài ồn, có nghĩa là không phân biệt được âm thanh nền và âm thanh phụ.

- Thêm, bớt chữ, thay từ, viết ngược.

- Viết và giải các phép tính không theo cột, theo hàng.

- Chép lại đúng, nhưng nghe và viết lại thì sai.

- Trả lời đúng, nhưng viết câu trả lời thì sai.

- Chán câu ngẫu nhiên (hoặc không có). Lỗi đánh vần (đôi khi một từ được đánh vần khác nhau); sự đảo ngược; phát âm gần đúng; sự thiếu âm; lỗi trong các hậu tố chung. Thiếu kĩ năng và rối loạn trong cú pháp. Sụ không thể hiện được các câu hỏi. Rối loạn trong danh số và danh số ngược.

- Nhàm lẫn chữ in và chữ viết tay, chữ in và chữ thường, hoặc kích cỡ không đúng, hoặc chữ in nghiêng, chữ thanh đúng.

- Cầm bút khó khăn, không đúng quy định.

- Tự nói chuyện trong khi viết hoặc nhìn chăm chú vào tay viết.

- Hạn chế trong việc dùng các biện pháp tu từ, thiếu từ để viết tập làm văn, ý sơ sài, câu lủng củng.

- Lúng túng khi viết kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.

\* Đặc điểm tâm lí của học sinh làm toán kém.

+ Khó khăn trong tính toán (dyscalculia) có nhiều dạng khác nhau, mỗi dạng kéo theo dạng đặc trưng của vấn đề trong việc giải quyết những nhiệm vụ toán học.

Học sinh có khó khăn trong tính toán cần khoảng thời gian dài để thực hiện ngay cả những nhiệm vụ tính toán đơn giản... Các em vẫn còn sử dụng các ngón tay ngay cả trong các lớp lớn. Những khó khăn dạng này được gọi là những khó khăn tự động. Ngoài ra, những khó khăn ngôn ngữ có thể tự thể hiện trong những khó khăn hiểu các số như những khái niệm, trẻ hiểu biết giới hạn về các số hoặc các hình tượng số.

Hình dạng khác của khó khăn trong tính toán bao gồm những khó khăn lập kế hoạch mà hướng những sai lầm của trẻ đến việc thực hiện hiệu quả các phép toán. Ở đây trẻ có khó khăn trong thể hiện chiến lược giải bài toán số học, hoặc giải đúng bài toán; khó khăn trong việc suy nghĩ logic cũng như thực hiện các phép toán.

Những biểu hiện của khó khăn trong làm toán của học sỉnh học kém trong nhà trường Tiểu học hiện nay:

- Chọn không đúng thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức.

- Bỏ sót số 0 khi thực hiện phép chia các số tự nhiên.

- Sử dụng không đúng quy tắc lấy một số trừ đi một tổng hay lấy một số trừ đi một hiệu.

- Sử dụng không đúng quy tắc rút gọn phân số.

- Không nhớ chính xác “thuật giải" các dạng bài tập.

- Không xét hết các trường hợp của bài toán, đặc biệt các “bài toán mở".

- Không có biểu tượng trực quan đúng về đối tượng.

- Chọn không đúng các phép toán khi giải các bài toán bằng lởi.

- Đo hay dựng không đúng các góc tù thước đo góc.

- Thực hiện việc dịch dấu phẩy không đúng khi làm các phép tính trên các số thập phân.

- Trình bày không đúng lập luận và chứng minh.

- Nhầm lẫn kí hiệu đơn vị đo độ dài, diện tích, thể tích.

- Nhầm lẫn các khái niệm: nhiều hơn - ít hơn, trước - sau, trên - dưới, hôm qua- hôm nay, 2 tiếng- nửa giở...

- Thuộc bảng cửu chương nhưng sử dụng sai.

- Nhận ra thứ tự số trong dãy số, nhưng nếu số đứng một mình thì không biết thứ tự.

- Nhầm lẫn các số 69 – 96, 63 – 36, 17 – 71....

- Tính trên máy tính được, nhưng không áp dụng vào thực tế cuộc sống.

- Không hiểu các khái niệm “mang sang" trong toán cộng và “mượn" trong toán trừ.

**II. Xác định đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt**

Học sinh cá biệt là những học sinh chưa ngoan, có những hành vi không mong đợi được lặp lại thường xuyên và trở thành hệ thống, thể hiện bởi thái độ, hành vi không phù hợp với giá trị, nội quy, truyền thống của tập thể, không thực hiện tròn bổn phận và trách nhiệm của người học sinh, hoặc thiếu văn hoá, đạo đức trong quan hệ ứng xử với mọi người, mặc dù đã được giáo viên, gia đình quan tâm chỉ dẫn, giáo dục.

Học sinh cá biệt thường có những biểu hiện phổ biến sau:

- Học sinh có những thay đổi khác lạ trong thái độ, cách cư xử: trờ nên lãnh đạm, không chan hoà, không muốn hoà đồng, cáu kỉnh, xúc phạm người khác, thậm chí gây gổ.

- Không quan tâm, húng thú với trường học và việc học, học sa sút, thậm chí là bỏ học.

- Thiếu tự tin vào bản thân. Không tin cậy người khác.

- Thường xuyên vi phạm nội quy của lớp, trường.

- Cố thu hút sự chú ý của người khác bằng những hành vi như phá phách, vô lễ, ăn cắp, nói dối...

- Hay đánh đập, hay ồn trong lớp học, bỏ học, trốn học để chơi game.

- Có những hành vi chống đối vô lối với giáo viên.

- Có những hành động kì quặc, khiến cho lóp học luôn trong trạng thái bất ổn.

- Có thái độ xem thường bạn bè, thầy cô...

- Thường xuyên nói tục...

- Thường xuyên không tham gia vào các hoạt động học tập của lớp.

Để xác định được nội dung và biện pháp giáo dục học sinh cá biệt, giáo viên cần tìm hiểu nguyên nhân, mục đích của hiện tượng này:

Các nguyên nhân:

- Nguyên nhân do yếu tố sinh học.

- Nguyên nhân do yếu tố tâm lí.

- Nguyên nhân do môi trưởng xã hội.

- Mục đích:

- Thu hút sự chú ý.

- Thể hiện quyền lực.

- Trả đũa.

- Thể hiện sự không thích hợp.

- Suy nghĩ không hợp lí.

- Nắm vững nội dung cơ bản được đề cập ở phần thông tin cơ bản.

- Vận dụng vào thực tế tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt và tổ chức các biện pháp giáo dục học sinh cá biệt ở lớp, ở trường tiểu học.

- Một số công cụ giúp giáo viên tìm hiểu đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt: Ví dụ : Tìm hiểu mức độ hành vi đạo đức của học sinh tiểu học theo nhận xét của cha mẹ.

III. Xác định đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi và học sinh năng khiếu

Học sinh giỏi, học sinh năng khiếu là những học sinh hoàn thành công việc một cách dế dàng, khiến mọi người phải kinh ngạc.

Năng khiếu là tư chất vốn có làm cơ sở cho năng lực mà dưới tác động cửa môi trường, của luyện tập sẽ được phát triển hoặc không.

Năng khiếu là dấu hiệu phát triển sớm ở trẻ em một tài năng nào đó khi trẻ chưa được tiếp xúc một cách có hệ thống trong lĩnh vực hoạt động tương ứng.

Năng khiếu bộc lộ ra ở nhiều khía cạnh, như: tốc độ vượt trội trong việc hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể so với trẻ đồng trang lứa, thành tích xuất sắc trong một lĩnh vực nhất định, thiên hướng hoạt động mãnh liệt hoặc sự sáng tạo trong hoạt động ở một lĩnh vực nào đó.

“Trẻ có năng khiếu và tài năng là những đứa trẻ được phát hiện bởi những người có trình độ chuyên môn với những khả năng nổi trội. Đây là những đứa trẻ đòi hỏi cần được học tập trong các chương trình giáo dục đặc biệt và/hoặc các dịch vụ nằm ngoài các chương trình mà thông thường được cung cấp bởi chương trình học thưởng xuyên để thực hiện đóng góp cho chính mình và xã hội" (Marland, 1972).

Trên thế giới đã có nhiều bộ trắc nghiệm (test) để phát hiện năng khiếu, nhưng không phải là phương pháp duy nhất, vì muốn tìm được trẻ có tư chất phải tiến hành “đo" nó ở cấp độ quá trình chứ không phải căn cứ vào kết quả phép thử, cần phái thông qua hoạt động mà các em là chủ thể. Đội ngũ giáo viên tiểu học có khả năng rất to lớn, vì là người tiếp xúc hằng ngày với trẻ, tổ chức cho các em hoạt động và đánh giá hoạt động của các em. Giáo viên có vai trò quan trọng trong việc phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, vì học sinh có năng khiếu có thể trở thành tài năng nếu các em gặp được giáo viên biết cách dạy dỗ và người thầy đó xuất hiện đúng lúc.

\* Dấu hiệu nhận biết trẻ có năng khiếu.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu việc xác định tiêu chí nhận diện ra trẻ có năng khiếu trên thế giới hiện nay. Sau đây là một số tiêu chí cơ bản để nhận diện năng khiếu theo tài liệu của Đại học Osnabríicken- Đúc:

- Ngôn ngữ phát triển cao hơn so với trẻ cùng lứa : vốn từ lớn diễn đạt tốt.

- Đọc nhiều và có khả năng đọc sách không dành cho lứa tuổi, ví như trẻ học lớp 1 có thể đọc trôi chảy, viết chính tả tốt từ vựng khó của sách lớp trên.

- Không bằng lòng với kết quả và nhịp điệu làm việc, muốn đạt tới sự hoàn hảo.

- Quan tâm tới nhiều vấn đề của người lớn: tôn giáo, kinh tế, chính trị, lịch sử, giới tính / không chấp nhận quyền uy, có tinh thần phê phán.

- Có xu hướng tìm bạn ngang bằng năng lực, thường là hơn tuổi.

- Tinh thần trách nhiệm cao, không muốn bằng mọi giá để có sự đồng thuận.

- Học sinh giỏi là những học sinh đạt kết quả học tập ở mức cao so với chuẩn quy định, là những học sinh có năng khiếu cao trong một hoặc nhiều lĩnh vực nào đó.

- Học sinh năng khiếu chính là những học sinh có những tư chất bẩm sinh, di truyền, có năng khiếu cao trong một lĩnh vực nào đó, dù chưa được giáo dục, đào tạo.

\* Một số đặc điểm tâm lí của học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

- Có y thức rõ rệt đối với việc học tập. Say mê học tập, thái độ của các em đối với các môn học trở nên có lựa chọn hơn, có hứng thú với một môn học nào đó.

- Đối với học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, hoạt động học tập được thúc đẩy mạnh mẽ nhất bởi động cơ nhận thức (còn gọi là động cơ hoàn thiện tri thức). Hoạt động học tập được thúc đẩy bởi động cơ này là tối ưu theo quan điểm sư phạm. Loại động cơ này còn được gọi là động cơ bên trong theo cách gọi của A.v. Pêtrôpxki, nghĩa là các em có lòng khao khát mở rộng tri thức, mong muốn có nhiều hiểu biết, say mê với bản thân quá trình giải quyết các nhiệm vụ học tập của môn Toán...

- Có chỉ số thông minh (IQ cao), nhận thức nhanh biểu hiện ở tốc độ tư duy, tốc độ vận dụng nhanh khi giải quyết các bài tập mới lạ, không quen thuộc...

- Có năng lực tập trung trí tuệ cao với cường độ lớn trong một thời gian dài (3-4 tiếng đồng hồ liên tục).

- Có năng lực tự học cao. Biết tư duy độc lập, tự phát hiện và giải quyết vấn đề và đặc biệt là đánh giá được vấn đề đã giải quyết. Các em ít khi vừa lòng với những lời giải bình thường mà có khuynh huớng tìm tòi lời giải mới mẻ, độc đáo, ngắn gọn (lởi giải đẹp).

- Có năng lực khái quát hoá cao. Các em thường có khuynh hướng muốn đi tới những bài tổng quát hơn.

- Có cá tính rõ rệt. Đây là một trong những điều kiện của sự sáng tạo.

- Rất tự tin (thậm chí đến mức làm cho người khác nghĩ là các em quá tự tin, kiêu ngạo) ở năng lực trí tuệ của bản thân trong việc giải quyết các nhiệm vụ học toán và có quyết tâm cao để vượt qua những khó khăn, thử thách khi phái đối mặt với nhiệm vụ khó.

- Liên tục cho thấy sự tò mò trí tuệ; yêu cầu đặt câu hỏi.

- Có một loạt mối quan tâm, thường về một loại tri thức, bày tỏ một hoặc nhiều mối quan tâm sâu sắc.

- Có sự vượt trội rõ rệt trong ngôn từ cả về số lượng và chất lượng, là sự quan tâm đến tính tinh tế của từ ngữ và những ứng dụng của chúng.

- Say mê đọc và hấp thu những cuốn sách tốt vượt xa lứa tuổi của mình.

- Tiếp thu bài nhanh và dễ dàng và ghi nhớ những gì đã được học, nhớ lại những thông tin quan trọng, khái niệm và nguyên tắc, dễ dàng thấu hiểu.

- Hiểu biết về các vấn đề về số học đòi hỏi phải có sự suy luận cẩn thận và dễ dàng nắm lấy các khái niệm toán học.

- Sáng tạo hoặc biểu hiện trí tưởng tượng trong những thứ như âm nhạc, nghệ thuật, múa, kịch, cho thấy độ nhạy cảm và tinh tế trong nhịp điệu, chuyển động, điều khiển cơ thể.

- Duy trì sự tập trung trong một thời gian dài và cho thấy năng lực vượt trội, tính độc lập trong công việc cửa lớp.

- Thiết lập tiêu chuẩn cao một cách thực tế cho bản thân là quan trọng trong việc đánh giá bản thân và điều chỉnh những nỗ lực riêng của mình.

- Cho thấy sáng kiến và tính độc đáo trong công việc trí tuệ, cho thấy sự linh hoạt trong suy nghĩ và xem xét vấn đề từ nhiều quan điểm.

- Nhận định sâu sắc và phản ứng nhanh với những y tưởng mới.

**IV. Xác định các nguyên tắc, các bước, các điều kiện và các mặt cần tìm hiểu đặc điểm tâm lí ở học sinh cá biệt, học sinh kém, học sinh giỏi và năng khiếu**

* Các nguyên tắc chung giúp hiểu tâm lí học sinh

- Hiện tượng tâm lí không thể được đo đạc một cách trực tiếp nhưng có thể đánh giá gián tiếp thông qua các sản phẩm hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp. Đối với lứa tuổi học sinh trung học, đó là hoạt động học tập, các hoạt động chung khác của học sinh, giao tiếp của học sinh vói người lớn (trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội) và với bạn cùng lứa. Điều này thể hiện nguyên tắc gián tiếp, khách quan, xã hội - lịch sử trong nghiên cứu tâm lí học. Các nguyên tắc này cần được quán triệt trong tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh để đảm bảo thu được tư liệu một cách tin cậy nhẩt. Ngoài ra, từ phía giáo viên chủ nhiệm cần tránh sự định kiến, nóng vội đối với học sinh.

- Việc tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh cần tuân thủ các bước: xác định mục đích; thời gian; phạm vi; cách thức; điều kiện tim hiểu; hướng phối hợp xử lí thông tin; hướng lưu trữ, khai thác thông tin về học sinh.

- Nội dung tìm hiểu tùy theo mục đích và bám vào cấu trúc nhân cách học sinh.

* Giáo viên phải làm những gì để hiểu tâm lí học sinh?

- Trước hết, GV cần xác định rõ các thời điểm tìm hiểu học sinh và mục đích của việc tìm hiểu học sinh ở từng thời điểm khác nhau trong suốt năm học để có thái độ và sự chuẩn bị phù hợp, hiệu quả (tìm hiểu học sinh vào những thời điểm nào trong năm học? Tìm hiểu tất cả học sinh trong lớp hay chỉ tập trung vào một số em? Tìm hiểu về các em đó để làm gì? Phục vụ cho cái gì?...), có thể xem đây như là việc lập kế hoạch tổng thể cho cả năm học về việc tìm hiểu học sinh, thể hiện tính chủ động của GV.

- GVCN xác định phạm vi cần tìm hiểu và các nguồn thông tin cần thu thập, hay xác định các đối tượng cung cấp thông tin đáng tin cậy (tìm hiểu cái gì cụ thể ở học sinh? Ai là người cung cấp thông tin đáng tin cậy và phù hợp nhất?).

- GVCN xác định các cách thức, phương tiện, công cụ cần sử dụng để thu thập thông tin (Tìm hiểu bằng những cách trực tiếp hay gián tiếp? Sử dụng phương tiện/công cụ gì để lấy thông tin?).

- GVCN xác định cách thức xử lí, phân tích các thông tin . Nếu cần thiết, có thể yêu cầu sự hỗ trợ phối hợp của các nhà chuyên môn về tâm lí giáo dục.

- GVCN cần lên kế hoạch cụ thể, hợp lí để thu thập được đầy đủ thông tin nhất ở từng thời điểm về học sinh với thời gian ngắn nhất, đảm bảo để tất cả học sinh được tiếp cận, tìm hiểu ở trong cùng thời điểm. Điều này rất quan trọng để có thể hiểu đúng về học sinh vì như trên đã đề cập, ở lứa tuổi này ngự trị “Quy luật về tính mất cân đối tạm thời" và “Quy luật về tính không đồng đều" trong sự phát triển.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành tìm hiểu học sinh đảm bảo một cách khách quan, chính xác nhất có thể. Trong trường hợp khó khăn/hạn chế về thời gian, GVCN có thể phối hợp/yêu cầu sự hỗ trợ với/của các giáo viên bộ môn khác cùng dạy ở lớp mình đang làm chủ nhiệm hoặc phối hợp với nhà tâm lí học đường nếu trong trường có phòng tâm lí học đường. Theo kinh nghiệm thì đây là cách hiệu quả mà các GVCN nên thực hiện.

- Tiến hành xử lí, phân tích thông tin về học sinh, có sự phối hợp với các giáo viên khác, với gia đình học sinh, với các nhà chuyên môn về tâm lí giáo dục khi thấy cần thiết.

- Tổ chức lưu trữ thông tin về học sinh sao cho an toàn, bí mật (với những thông tin cần thiết), nhưng có thể khai thác, cập nhât dễ dàng, thuận tiện khi cần.

\* Giáo viên cần thu thập thông tin ở đâu/thông qua nguồn nào ?

Tâm lí là hiện tượng tinh thần, vì thế không thể “cân, đong, đo, đếm" trực tiếp như đối với các hiện tượng vật chất. Nhưng tâm lí con người được bộc lộ trong quá trình hoạt động và giao tiếp, vì thế, có thể đánh giá tâm lí con người một cách gián tiếp thông qua suy nghĩ, tình cảm, hành vi của họ. Nhân cách con người được biểu hiện ở cấp độ cá nhân

trong mổi quan hệ với chính bản thân; ở cấp độ nhóm - trong mổi quan hệ liên nhân cách (với bạn bè cùng tuổi, gia đình, giáo viên...); ở cấp độ xã hội - trong mối quan hệ với các quy tắc, chuẩn mực chung của xã hội. Quá trình hình thành nhân cách là quá trình cá nhân chịu sự tác động từ các môi trường giáo dục khác nhau: gia đình, nhà trường, xã hội bên ngoài, đồng thời là quá trình cá nhân hoạt động tích cực để chiếm lĩnh nền văn hoá xã hội

- lịch sử, trong đó, hoạt động của cá nhân có ý nghĩa quyết định. Điều này có thể cho phép xác định lĩnh vực cần tìm hiểu để hiểu về tâm lí học sinh nói riêng, con người nói chung. Một cách cụ thể, đó là:

- Tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình hiện tại của học sinh và môi trường trong đó học sinh được sinh ra và lớn lên;

- Tìm hiểu về bản thân học sinh với đầy đủ các khía cạnh trong sự phát triển về mặt tâm lí, thể chất của các em; nhũng mâu thuẫn nảy sinh (sức khỏe, thói quen; tính khí; định hướng giá trị - những điều mà các em cho là quan trọng; kì vọng/mong muốn; quan niệm về việc học tập; cách thức suy nghĩ về học tập/cuộc sống; các mối quan tâm/hứng thú thường xuyên; năng khiếu/sở trường/sở đoán; khả năng tập trung; xu hướng nhân cách; quan niệm về cái chung và cái riêng; cách nhìn nhận về các mối quan hệ người – người...). Giáo viên chủ nhiệm cần hiểu được những suy nghĩ, niềm tin chưa đúng dẫn đến hành vi tiêu cực của học sinh để tư vấn, làm thay đổi những nhận thức và niềm tin sai lệch của học sinh, giúp các em thay đổi hành vi, đồng thời cũng cần nắm được những nhu cầu, mong muốn tích cực của học sinh để khích lệ các em.

- Tìm hiểu các nhóm bạn của học sinh, trong đó có mối trường lớp học mà giáo viên đang làm chủ nhiệm.

\* Giáo viên tìm hiểu học sinh bằng cách nào như thế nào? Một số gợi ý.

Có nhiều cách làm khác nhau để thu thập thông tin tìm hiểu học sinh, chẳng hạn dưới đây là một số cách:

- Nghiên cứu các tư liệu/hồ sơ về học sinh đã có từ trước;

- Sử dụng các phiếu trưng cầu ý kiến do GVCN tự soạn thảo hoặc tham khảo có sẵn từ các nguồn khác nhau;

- Sử dụng các trắc nghiệm đơn giản có sẵn (test chú ý, trí nhớ, IỌ, cọ, EỌ...);

- Trò chuyện với học sinh trước và sau buổi học;

- Cùng tham gia vào các hoạt động với học sinh;

- Tổ chức cho học sinh viết bài luận theo chủ đề tự do;

- Yêu cầu học sinh viết những nhận xết tức thời về giờ học/buổihọc;

- Chụp ảnh, ghi hình; quan sát trực tiếp hoặc từ sa;

- Sử dụng một số kĩ thuật phân tích nhóm;

- Tìm hiểu về học sinh thông qua các đối tượng khác (cha mẹ, giáo viên bộ môn, cán bộ Đội.. Dưới đây sẽ giới thiệu một số cách thức cụ thể để các giáo viên tham khảo: Trước khi đi sâu vào tìm hiểu từng học sinh, giáo viên cần nắm được một cách đầy đủ về một số đặc điểm tầm lí - xã hội chung của lớp học do mình làm chủ nhiệm. Các thông tin về lớp học sẽ giúp giáo viên có được một cáì nhìn khái quát, song cũng khá cụ thể về học sinh, từ đó sẽ có những định hướng sâu sát hơn đối với từng em.

1.Phiêu đánh giá về đặc điếm tâm lí - xãhội của lớphọc cóthể gồm những nội dung sau:

- Họ tên giáo viên đã dạy học sinh từ lớp dưới;

- Các tư liệu giáo dục của tập thể lớp.

- Sự thay đổi các giáo viên chủ nhiệm lớp (nếu có);

- Đặc điểm xã hội của học sinh (địa bàn sinh sống, các mối tiếp xúc/ quan hệ);

- Đặc điểm hoạt động của lóp học, ảnh hưởng của nó đến toàn bộ lớp học;

- Đặc điểm trình độ giáo dục của học sinh;

- Các nhóm nhỏ trong lớp học, nguyên nhân xuất hiện, ảnh hưởng đối với toàn bộ lớp;

- Đặc điểm vị thế của cá nhân trong lớp học;

- Văn hoá giao tiếp của học sinh (trong lớp, trong trường, trong nhóm);

- Các phương thức giải quyết mâu thuẫn trong tập thể;

- Những học sinh bị lưu ban và đặc điểm của các em;

- Những học sinh học giỏi, năng khiếu và đặc điểm của các em;

- Sự tham gia của học sinh vào tập thể lớp học;

- Sự tham gia của cha mẹ học sinh vào cuộc sổng của tập thể học sinh;

- Sự tham gia của lóp học vào cuộc sống nhà trường;

- Những thành tích đạt được trong quá trình phát triển của tập thể.

\*Các “vấn đề” tồn tại trong quá trình phát triển của tập thể học sinh:

+ Học sinh yếu/kém trong học tập;

+ Học sinh “có vấn đề" về hành vi;

+ Học sinh có sức khoẻ kém;

+ Học sinh “có vấn đề trong giao tiếp" với bạn cùng tuổi.

2. Để theo dõi sự phát triển của học sinh về học tập và rèn luyện, giáo viên có thể định hướng vào những nội dung sau đây:

- Kết quả học tập thường xuyên của học sinh;

- Mối quan tâm của học sinh trong thời gian rỗi;

- Mối quan tâm của học sinh đối với cuộc sống nhà trường;

- Các nhiệm vụ xã hội của học sinh trong lớp;

- Thông tin về dinh dưỡng/sức khỏe của học sinh;

- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào công việc của lớp;

- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào công việc của trường;

- Thông tin về sự tham gia của học sinh vào các hoạt động xã hội khác bên ngoài nhà trường ....

Giáo viên cũng có thể thiết kế một mẫu phiếu tương tự như mẫu phiếu tâm lí - sư phạm của học sinh gợi ý ở trên (ở phần 1). Tất nhiên phải bổ sung thêm một số cột, tương ứng với các nội dung cần quan tâm theo dõi để điền các thông tin cho dễ theo dõi, so sánh, rút ra nhận xét khái quát.

3. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh viết những nhận xét tức thời về một buổi sinh hoạt lóp trong khoảng 5 phút, chủ yếu để đưa ra nhận xét khái quát nhất về giờ sinh hoạt, tại sao các em lại có nhận xét như vậy, và trong tâm trí các em còn đang có điều gì “vương vấn” (muốn được đề cập đến trong buổi sinh hoạt nhưng chưa thấy có). Tất nhiên, để làm việc này, giáo viên phải có chuẩn bị từ trước những tờ phiếu nhỏ để học sinh tự điền vào và không làm mất thời gian chung.

\* Thỉnh thoảng giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm những bài luận nhỏ về một số chủ đề do giáo viên đưa ra, qua đó phản ánh được suy nghĩ, tình cảm của học sinh ở thời điểm tương úng.

\* Giáo viên cũng có thể tạo ra một số nhóm nếu lớp quá đông, rồi sau đó thường xuyên gặp gỡ trao đổi với đại diện của từng nhóm (không phải là các nhóm chính thức, theo nghĩa là các “tổ" hiện có trong mỗi lớp học như chúng ta vẫn lầm).

\* Để hiểu biết rõ hơn về học sinh, đồng thời rèn cho học sinh cách làm việc có kế hoạch, giáo viên chủ nhiệm có thể lập một phiếu theo kiểu ma trận gồm có 7 cột với 24 hàng, với mỗi ô cho mỗi giờ đồng hồ trong một tuần. Sau đó phát cho học sinh và yêu cầu các em: “Hãy đánh dấu mỗi giờ mà các em có mặt trên lớp, di chuyển đến trường, ngủ, nghỉ, ăn uống. Rồi, giờ để làm bài tập ở nhà. Nếu không, có thể các em sẽ không có đủ thời gian để tham gia vào các hoạt động của lớp mình". Việc này sẽ được lặp lại sau mỗi tuần. Tất nhiên, ở những tuần sau đó, học sinh sẽ tự chuẩn bị phiếu cân CU theo mẫu phiếu đã có. Giáo viên thu lại, kiểm tra mức độ thực hiện của học sinh theo thời gian biểu, theo dõi và trao đổi với học sinh khi có vấn đề.

\* Vào thời điểm cuối năm học, có thể yêu cầu học sinh viết một bài luận hết sức ngắn về một tình huống được tưởng tượng ra nhưng lại rất có ý nghĩa từ khía cạnh khai thác tâm lí học sinh và cũng phù hợp với khả năng của học sinh.

Có rất nhiều cách thức khác nhau để tìm hiểu học sinh một cách hiệu quả. Ở đây chỉ là một số ít trong nhũng cách đó. Bản thân các giáo viên chủ nhiệm có thể xem chúng như các gợi ý cho hoạt động của mình mà thôi.

Đối với người giáo viên chủ nhiệm lớp, việc thấy được quá trình phát triển của học sinh qua những thời điểm khác nhau để có những tác động tiếp theo một cách phù hợp là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, đây không phải là việc dễ dàng mà cần có tính liên tục. vì vậy, để theo dõi quá trình tiến bộ của học sinh, nhất thiết phải có sự phân tích kết quả giáo dục của học sinh ở những năm học trước thông qua việc nghiên cứu hồ sơ đã có của học sinh. Đặc biệt lưu ý đến một số khía cạnh như:

- Kết quả học tập và rèn luyện đạo đức;

- Sự tham gia của học sinh vào tập thể lớp học;

- Sự tham gia của cha mẹ học sinh vào tập thể lớp;

- Những thành tích đạt được trong các hoạt động chung của tập thể;

- Những vấn đề về biểu hiện hành vi;

- Tình hình sức khỏe;

- Quan hệ giao tiếp với bạn cùng tuổi...

**C. BÀI HỌC VẬN DỤNG**

Sau khi học tập và nghiên cứu Modun TH3 tôi thấy đã tham gia tìm hiểu tâm lí học sinh, cả học sinh yếu kém, học sinh giỏi, học sinh năng khiếu trong lớp để có phương pháp dạy học đạt kết quả tốt nhất.Với sự nỗ lực của bản thân, nhiều năm, trong công tác chủ nhiệm, tôi luôn vận dụng linh hoạt các biện pháp trên và cũng đã thu được kết quả rất khả quan :

- Các lớp tôi chủ nhiệm các em đều tham gia tốt các hoạt động của trường, của Liên đội và luôn được đánh giá cao.

- Quan hệ thầy - trò, bạn – bạn ngày càng được thân thiết, gắn bó.

- Học sinh tự tin khi giao tiếp, trong các giờ học các em sôi nổi phát biểu, trao đổi bài tích cực. Mạnh dạn khi đưa ra y kiến của bản thân.

- Học sinh hứng thú khi đến trường, không sợ hãi.

- Đặc biệt là học sinh giỏi, học sinh năng khiếu sẽ có khả năng phát triển hơn nữa về năng khiếu của mình.

- Đối với mỗi giáo viên, để nắm được tâm lí của học sinh giáo viên cần:

+ GV cần xác định rõ các thời điểm tìm hiểu học sinh và mục đích của việc tìm hiểu học sinh ở từng thời điểm khác nhau trong suốt năm học để có thái độ và sự chuẩn bị phù hợp, hiệu quả.

+ GVCN xác định phạm vi cần tìm hiểu và các nguồn thông tin cần thu thập, hay xác định các đối tượng cung cấp thông tin đáng tin cậy.

+ GVCN xác định các cách thức, phương tiện, công cụ cần sử dụng để thu thập thông tin : Phiếu điều tra, phiếu câu hỏi,bài tập trắc nghiệm,.........

+ GVCN xác định cách thức xử lí, phân tích các thông tin .

+ GVCN cần lên kế hoạch cụ thể, hợp lí để thu thập được đầy đủ thông tin nhất ở từng thời điểm về học sinh với thời gian ngắn nhất, đảm bảo để tất cả học sinh được tiếp cận, tìm hiểu ở trong cùng thời điểm.

+ Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành tìm hiểu học sinh đảm bảo một cách khách quan, chính xác nhất có thể.

+Tiến hành xử lí, phân tích thông tin về học sinh, có sự phối hợp với các giáo viên khác, với gia đình học sinh, với các nhà chuyên môn về tâm lí giáo dục khi thấy cần thiết.

- Sau mỗi tiết học tôi luôn đưa ra một số câu hỏi như phiếu điều tra, phiếu phỏng vấn , câu hỏi vấn đáp về nội dung học tập và về tâm lí của học sinh về môn học đó.

**PHIẾU PHỎNG VẤN CÁ NHÂN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN TÂM LÍ  
TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

Họ và tên học sinh: ...............................................................Nam/ Nữ:.....

Lớp:..............................................Trường:................................................

Câu 1: Con có thích đi học không?

Có Không

vì sao:.....................................................................................................

Câu 3: Con có hay đi học sớm không?

CóKhông

vì sao con đến trường sớm? ................................................

Câu 4: Trong năm tuần vừa qua, con có bị cô giáo nhắc vì không tập trung trong giờ học không?

Có Không

Nếu có, lúc đó con đang làm gì?

Nói chuyện riêng nghịch đồ chơi

Chạy ra khỏi chỗ cúi xuống bàn

Câu 5: Khi cô giáo dạy con đọc, con có đọc được không? (Yêu cầu học sinh đọc một câu văn hoặc câu thơ)

Đọc đúng tốc độ quy định, phát âm rõ ràng Đọc chậm Phát âm sai Không đọc được

Câu 6: Khi cô giáo hỏi về nội dung bài đọc, con có trả lởi đúng không?

Đúng Lúc đúng lúc không Không đúng

Vìsao?...................................................................

Câu 7: Trong 5 tuần qua, con có làm đúng các bài tập toán không? (Yêu cầu học sinh làm thử các phép tính)

Làm được các phép tính 4- /- trong phạm vi trên 10

Làm được các phép tính 4- /- trong phạm vi 10

Không làm được

Câu 8: Con có làm xong hết các bài tập toán cô giáo giao trong giờ học toán không?

Có Không

Nếu không, vì sao:...................................................................................

Câu 9: Trong giờ tập viết, con có viết kịp các bạn trong lóp không? (Yêu cầu học sinh viết một câu văn hoặc một câu thơ)

a. Có Không

Nếu không, vì sao?..........................................................................................................

b. Viết chữ đẹp, đúng nét theo quy định Viết chữ xấu

c.Viết sai chữ, không đúng nét theo quy định Không viết được

Câu 10: Trong 5 tuần học vừa qua con có đi học muộn không?

Có Không

Vì sao:...........................................................................................................................

Câu 11: Trong 5 tuần vừa qua con có quên mang sách vở, đồ dùng học tập không?

Có Không

Câu 12: Con có giơ tay phát biểu bài không?

* Có giơ tay
* Có lúc có, lúc không
* Không giơ tay

Câu 13: Ở lớp, giờ ra chơi con có ra chơi với các bạn không?

Có Không

Câu 14: Khi gặp bài khó ở lớp, con có hỏi bạn không?

Có Không

Câu 15: Trong lớp, các bạn có thích chơi với con không?

* Có, vì:......................................................................................................
* Không, vì:................................................................................................

- Mỗi GV cần biết đầy đủ những thay đổi tâm, sinh lý của học sinh trong quá trình phát triển, nắm được rõ về hoàn cảnh gia đình từng học sinh mới có những tác động tích cực, phù hợp để khuyến khích trẻ học tập.

- Giúp học sinh tự ý thức về năng lực và khả năng học tập: Giáo viên, cha mẹ, bạn bè cần có những đánh giá khách quan về khả năng học tập của trẻ trong các mặt tư duy ngôn ngữ và toán học, văn nghệ, thể dục, thể thao … giúp trẻ tự tin vào khả năng của mình, đồng thời nỗ lực để học tập ngày càng tốt hơn.

- Cần bộc lộ sự quan tâm và kỳ vọng cao đối với học sinh: Giáo viên, cha mẹ cần quan tâm ủng hộ học sinh để học sinh phát huy và mạnh dạn hơn trong học tập cũng như các mối quan hệ công tác. Quan tâm đến tâm tư, tình cảm của học sinh là nền tảng thúc đẩy động cơ và sự tham gia học tập của học sinh một cách thuận lợi.

- Phối hợp tốt với phụ huynh học sinh để hiểu rõ hơn về từng em đẻ từ đó có cách giáo dục phù hợp và kịp thời.

- Không yêu cầu quá cao, nên có sự thông cảm chia sẻ với các em.

- Luôn tạo mối quan hệ gần gũi, kết hợp được nhiều tác nhân phối hợp giáo dục.

Do vậy, GVCN cần có một nhận thức đúng đắn và sâu sắc về vị trí, yêu cầu đối với  chính  bản thân mình và công việc. Không chỉ trang bị cho mình những kiến  thức cần  thiết cho việc giảng dạy, những vốn sống sâu sắc về con người, cuộc đời…  người GVCN còn cần phải rèn luyện cho chính mình đạt những  phẩm chất đạo  đức có tính chuẩn mực để trên cơ sở đó, mới có thể nhắc nhở,  uốn nắn học sinh.  Từ hành vi, ngôn ngữ, cách cư xử, cách suy nghĩ, đánh giá  những sự việc trong  cuộc sống, những thói quen trong sinh hoạt… tất cả luôn  cần được người GVCN  tự xem xét, điều chỉnh để có thể không ngừng hoàn thiện mình trong mắt học  trò.

Trên đây là những vấn đề cơ bản mà tôi đã tìm hiểu về: “***Đặc điểm tâm lí của học sinh cá biệt, học sinh yếu kém, học sinh giỏi và học sinh năng khiếu”***. Bài viết không tránh được những hạn chế, thiếu sót. Rất mong sự đóng góp ý kiến của BGH và đồng nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**Người báo cáo**

**Lê Thị Linh**